

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/2022/TT-BCA

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2022

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH MỨC TRỢ CẤP HẰNG THÁNG ĐỐI VỚI CÁN BỘ CÔNG AN THUỘC ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG TRỢ CẤP HẰNG THÁNG THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 53/2010/QĐ-TTG NGÀY 20 THÁNG 8 NĂM 2010 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 62/2011/QĐ-TTG NGÀY 09 THÁNG 11 NĂM 2011 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ Công an thuộc đối tượng hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 và Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ Công an thuộc đối tượng hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2010 của Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương (sau đây viết gọn là Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BTC) và khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 05/2012/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2012 của Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân, viên chức Công an theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (sau đây viết gọn là Thông tư liên tịch số 05/2012/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BTC).

Điều 2. Thời điểm và mức điều chỉnh tăng thêm hằng tháng

Kể từ ngày 01/01/2022, mức trợ cấp hằng tháng của các đối tượng quy định tại Điều 1 Thông tư này được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Mức hưởng trợ cấp hằng tháng từ ngày 01/01/2022} = \text{Mức hưởng trợ cấp tháng 12/2021} \times 1,074$$

Ví dụ 1: Đồng chí Nguyễn Văn A thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BTC. Đồng chí A có thời gian công tác được tính hưởng chế độ là 18 năm 06 tháng; tháng 12/2021 đồng chí A hưởng mức trợ cấp 2.145.998 đồng.

Từ ngày 01/01/2022, mức trợ cấp hằng tháng của đồng chí Nguyễn Văn A là:

$$2.145.998 \text{ đồng} \times 1,074 = 2.304.802 \text{ đồng.}$$

Ví dụ 2: Đồng chí Phạm Văn B thuộc đối tượng hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2012/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BTC. Đồng chí B có thời gian công tác được tính hưởng chế độ là 16 năm 10 tháng; tháng 12/2021 đồng chí B hưởng mức trợ cấp 1.975.450 đồng.

Từ ngày 01/01/2022, mức trợ cấp hằng tháng của đồng chí Phạm Văn B là:

$$1.975.450 \text{ đồng} \times 1,074 = 2.121.633 \text{ đồng.}$$

Điều 3. Biểu mẫu thực hiện chế độ trợ cấp hằng tháng

1. Mẫu số 01/QĐ-X01: Quyết định về việc hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

2. Mẫu số 02/GT-X01: Giấy giới thiệu chi trả chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

3. Mẫu số 03/QĐ-X01: Quyết định về việc hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ;

4. Mẫu số 04/GT-X01: Giấy giới thiệu chi trả chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ;

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2022.

2. Thông tư số 24/2019/TT-BCA ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ Công an thuộc đối tượng hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 và

Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng theo quy định tại Điều 2 Thông tư này đối với các trường hợp từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mới có Quyết định hưởng trợ cấp hằng tháng.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp và chi trả trợ cấp hằng tháng đối với các đối tượng quy định tại Điều 1 Thông tư này có Quyết định hưởng trợ cấp hằng tháng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc cơ quan, đơn vị báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Tổ chức cán bộ) để kịp thời hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Tô Lâm

**BỘ CÔNG AN
CỤC TỔ CHỨC CÁN BỘ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-X01

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ

CỤC TRƯỞNG CỤC TỔ CHỨC CÁN BỘ

Căn cứ Thông tư số 72/2020/TT-BCA ngày 02/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Tổ chức cán bộ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BTC ngày 08/11/2010 của Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương;

Căn cứ Thông tư số 14/2022/TT-BCA ngày 06/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân thuộc đối tượng hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 và Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Công an tỉnh (thành phố)..... tại Công văn số..... ngày.../.../..... và hồ sơ của ông (bà).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ông (bà)..... Sinh năm:.....

Nơi cư trú:.....

Vào Công an nhân dân: ngày..... tháng.... năm.....

Xuất ngũ, thôi việc: ngày..... tháng.... năm.....

Cấp bậc, chức vụ khi xuất ngũ, thôi việc:.....

Đơn vị khi xuất ngũ, thôi việc:.....

Thời gian công tác thực tế được tính hưởng chế độ là:..... năm..... tháng.

Điều 2. Ông (bà):..... được hưởng mức trợ cấp hằng tháng như sau:

1. Mức hưởng từ ngày 01/5/2010 đến 30/4/2011 (theo quy định tại Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

2. Mức hưởng từ ngày 01/5/2011 đến 30/4/2012 (được điều chỉnh theo Nghị định số 23/2011/NĐ-CP ngày 04/4/2011 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

3. Mức hưởng từ ngày 01/5/2012 đến 30/6/2013 (được điều chỉnh theo Nghị định số 35/2012/NĐ-CP ngày 18/4/2012 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

4. Mức hưởng từ ngày 01/7/2013 đến 31/12/2014 (được điều chỉnh theo Nghị định số 73/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

5. Mức hưởng từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015 (được điều chỉnh theo Nghị định số 09/2015/NĐ-CP ngày 22/01/2015 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

6. Mức hưởng từ ngày 01/1/2016 đến 30/6/2017 (được điều chỉnh theo Nghị định số 55/2016/NĐ-CP ngày 15/6/2015 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

7. Mức hưởng từ ngày 01/7/2017 đến 30/6/2018 (được điều chỉnh theo Nghị định số 76/2017/NĐ-CP ngày 30/6/2017 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

8. Mức hưởng từ ngày 01/7/2018 đến 30/6/2019 (được điều chỉnh theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

9. Mức hưởng từ ngày 01/7/2019 đến 31/12/2021 (được điều chỉnh theo Nghị định số 44/2019/NĐ-CP ngày 20/5/2019 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

10. Mức hưởng từ ngày 01/01/2022 (được điều chỉnh theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07/12/2021 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

Nơi nhận trợ cấp:.....

Điều 3. Đồng chí Giám đốc Công an tỉnh (thành phố).....và ông (bà)..... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở LĐ-TBXH tỉnh (TP).....;
- Lưu: VT, P8.

CỤC TRƯỞNG

* Ban hành kèm theo TT số 14/2022/TT-BCA, ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an

**BỘ CÔNG AN
CỤC TỔ CHỨC CÁN BỘ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GT-X01

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY GIỚI THIỆU

Chi trả chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh (thành phố).....

Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an giới thiệu

Ông (bà)..... Sinh ngày.....

Quê quán:.....

Nơi cư trú:.....

Là đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương, có thời gian công tác thực tế được tính hưởng chế độ:..... năm..... tháng. Mức trợ cấp hằng tháng như sau:

1. Mức hưởng từ ngày 01/5/2010 đến 30/4/2011 (theo quy định tại Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

2. Mức hưởng từ ngày 01/5/2011 đến 30/4/2012 (được điều chỉnh theo Nghị định số 23/2011/NĐ-CP ngày 04/4/2011 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

3. Mức hưởng từ ngày 01/5/2012 đến 30/6/2013 (được điều chỉnh theo Nghị định số 35/2012/NĐ-CP ngày 18/4/2012 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

4. Mức hưởng từ ngày 01/7/2013 đến 31/12/2014 (được điều chỉnh theo Nghị định số 73/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

5. Mức hưởng từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015 (được điều chỉnh theo Nghị định số 09/2015/NĐ-CP ngày 22/01/2015 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

6. Mức hưởng từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2017 (được điều chỉnh theo Nghị định số 55/2016/NĐ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

7. Mức hưởng từ ngày 01/7/2017 đến 30/6/2018 (được điều chỉnh theo Nghị định số 76/2017/NĐ-CP ngày 30/6/2017 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

8. Mức hưởng từ ngày 01/7/2018 đến 30/6/2019 (được điều chỉnh theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

9. Mức hưởng từ ngày 01/7/2019 đến 31/12/2021 (được điều chỉnh theo Nghị định số 44/2019/NĐ-CP ngày 20/5/2019 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

10. Mức hưởng từ ngày 01/01/2022 (được điều chỉnh theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07/12/2021 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

Kèm theo gồm:

- Bản khai cá nhân của ông (bà).....;

- Quyết định số...../QĐ- X01 ngày...../...../20..... của Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P8.

CỤC TRƯỞNG

* Ban hành kèm theo TT số 14/2022/TT-BCA, ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an

**BỘ CÔNG AN
CỤC TỔ CHỨC CÁN BỘ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-X01

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ

CỤC TRƯỞNG CỤC TỔ CHỨC CÁN BỘ

Căn cứ Thông tư số 72/2020/TT-BCA ngày 02/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Tổ chức cán bộ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2012/TTLT-BCA-BLĐT BXH-BTC ngày 04/5/2012 của Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân viên chức Công an theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia; giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

Căn cứ Thông tư số 14/2022/TT-BCA ngày 06/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân thuộc đối tượng hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 và Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Công an tỉnh (thành phố)..... tại Công văn số..... ngày.../.../..... và hồ sơ của ông (bà).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ông (bà)..... Sinh năm:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Vào Công an nhân dân: ngày..... tháng..... năm.....

Xuất ngũ, thôi việc: ngày..... tháng..... năm.....

Cấp bậc, chức vụ khi xuất ngũ, thôi việc:.....

Đơn vị khi xuất ngũ, thôi việc:.....

Thời gian công tác thực tế được tính hưởng chế độ là:..... năm..... tháng.

Điều 2. Ông (bà):..... được hưởng mức trợ cấp hằng tháng như sau:

1. Mức hưởng từ ngày 01/01/2012 đến 30/4/2012 (theo quy định tại Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

2. Mức hưởng từ ngày 01/5/2012 đến 30/6/2013 (được điều chỉnh theo Nghị định số 35/2012/NĐ-CP ngày 18/4/2012 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

3. Mức hưởng từ ngày 01/7/2013 đến 31/12/2014 (được điều chỉnh theo Nghị định số 73/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

4. Mức hưởng từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015 (được điều chỉnh theo Nghị định số 09/2015/NĐ-CP ngày 22/01/2015 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

5. Mức hưởng từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2017 (được điều chỉnh theo Nghị định số 55/2016/NĐ-CP ngày 15/6/2015 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

6. Mức hưởng từ ngày 01/7/2017 đến 30/6/2018 (được điều chỉnh theo Nghị định số 76/2017/NĐ-CP ngày 30/6/2017 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

7. Mức hưởng từ ngày 01/7/2018 đến 30/6/2019 (được điều chỉnh theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

8. Mức hưởng từ ngày 01/7/2019 đến 31/12/2021 (được điều chỉnh theo Nghị định số 44/2019/NĐ-CP ngày 20/5/2019 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

9. Mức hưởng từ ngày 01/01/2022 (được điều chỉnh theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07/12/2021 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

Nơi nhận trợ cấp:.....

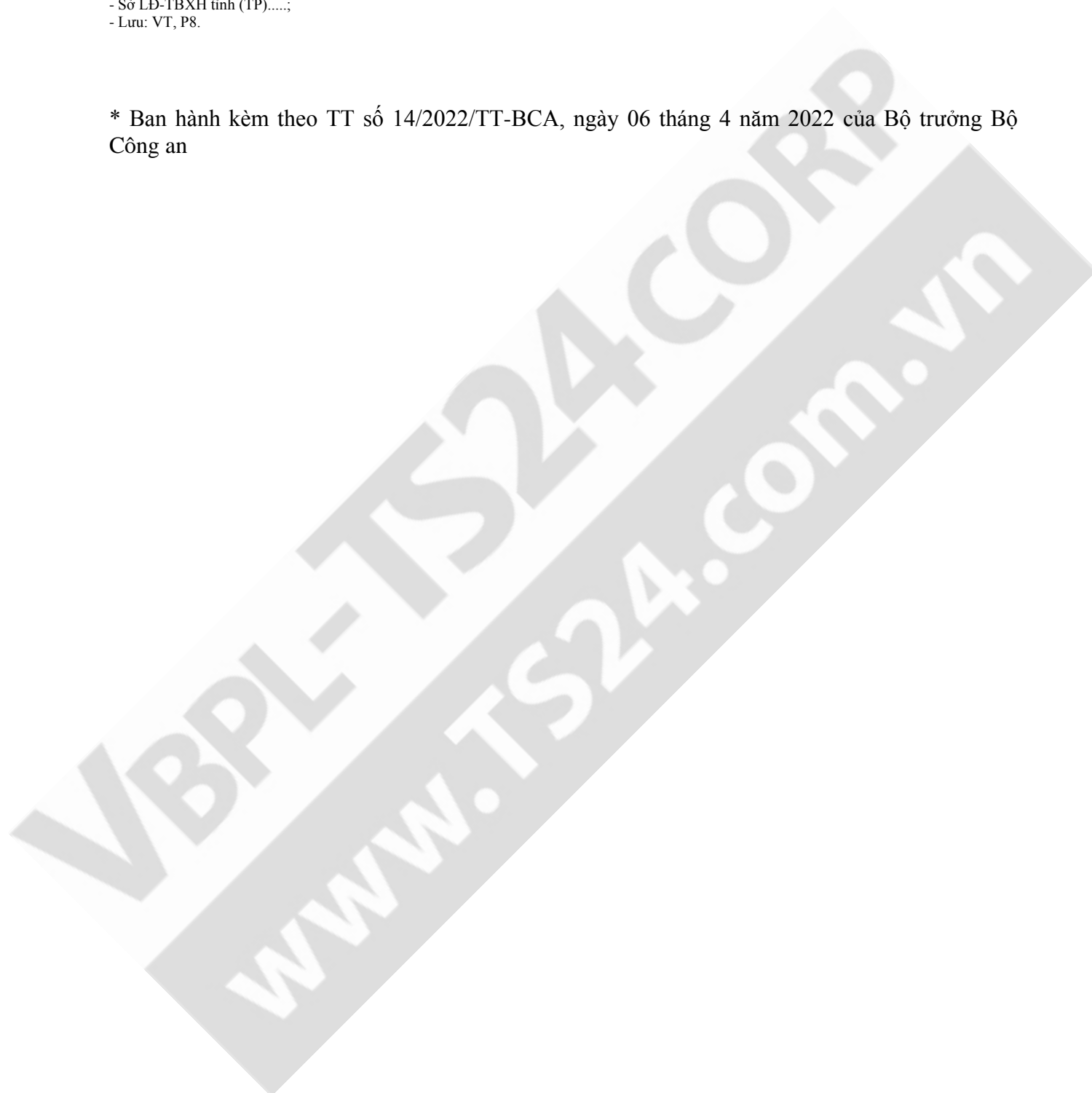
Điều 3. Đồng chí Giám đốc Công an tỉnh (thành phố)..... và ông (bà)..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở LĐ-TBXH tỉnh (TP).....;
- Lưu: VT, P8.

CỤC TRƯỞNG

* Ban hành kèm theo TT số 14/2022/TT-BCA, ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an



**BỘ CÔNG AN
CỤC TỔ CHỨC CÁN BỘ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GT-X01

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY GIỚI THIỆU

Chi trả chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh (thành phố).....

Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an giới thiệu

Ông (bà)..... Sinh ngày.....

Quê quán:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Là đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thời việc có thời gian công tác thực tế được tính hưởng chế độ là:..... năm..... tháng. Mức trợ cấp hằng tháng như sau:

1. Mức hưởng từ ngày 01/01/2012 đến 30/4/2012 (theo quy định tại Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

2. Mức hưởng từ ngày 01/5/2012 đến 30/6/2013 (được điều chỉnh theo Nghị định số 35/2012/NĐ-CP ngày 18/4/2012 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

3. Mức hưởng từ ngày 01/7/2013 đến 31/12/2014 (được điều chỉnh theo Nghị định số 73/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

4. Mức hưởng từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015 (được điều chỉnh theo Nghị định số 09/2015/NĐ-CP ngày 22/01/2015 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

5. Mức hưởng từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2017 (được điều chỉnh theo Nghị định số 55/2016/NĐ-CP ngày 15/6/2015 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

6. Mức hưởng từ ngày 01/7/2017 đến 30/6/2018 (được điều chỉnh theo Nghị định số 76/2017/NĐ-CP ngày 30/6/2017 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

7. Mức hưởng từ ngày 01/7/2018 đến 30/6/2019 (được điều chỉnh theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

8. Mức hưởng từ ngày 01/7/2019 đến 31/12/2021 (được điều chỉnh theo Nghị định số 44/2019/NĐ-CP ngày 20/5/2019 của Chính phủ): đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

9. Mức hưởng từ ngày 01/01/2022 (được điều chỉnh theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07/12/2021 của Chính phủ):..... đồng/tháng

(Bằng chữ:.....)

Kèm theo gồm:

- Bản khai cá nhân của ông (bà).....;
- Biên bản xét duyệt của Hội đồng chính sách xã.....;
- Quyết định số /QĐ- X01 ngày...../...../20.... của Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P8.

CỤC TRƯỞNG

* Ban hành kèm theo TT số 14/2022/TT-BCA, ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an